

Số: 09/2014/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 11 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 chỗ ngồi hoặc bè hoạt động trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc bè hoạt động trên địa bàn tỉnh Lai Châu”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ GTVT;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các P.Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: Lãnh đạo, CV các khối, TT Tin học và Công báo;
- Lưu VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Chử

QUY ĐỊNH

điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 chỗ ngồi hoặc bè hoạt động trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy định này quy định điều kiện an toàn, cách xác định các kích thước cơ bản, xác định sức chở và sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoạt động trên các tuyến giao thông đường thủy nội địa tỉnh Lai Châu.

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc khi bè hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phương tiện thủy nội địa thô sơ* là phương tiện hoạt động trên mặt nước như thuyền, bè không có động cơ chỉ di chuyển bằng sức người, sức gió hoặc sức nước.

2. *Trọng tải toàn phần của phương tiện* là khối lượng tính bằng tấn của hàng hóa, nhiên liệu, dầu bôi trơn, nước trong khoang két, lương thực, thực phẩm, hành khách và hành lý, thuyền viên và tư trang của thuyền viên.

3. *Sức chở của phương tiện* là trọng tải toàn phần hoặc sức chở người của phương tiện ứng với vạch dấu mớn nước an toàn.

4. *Vạch dấu mớn nước an toàn* là vạch đánh dấu trên phương tiện để giới hạn phần thân phương tiện được ghép chìm trong nước khi hoạt động.

5. *Điều kiện an toàn* là các điều kiện tối thiểu của phương tiện để đảm bảo an toàn khi phương tiện hoạt động trên đường thủy nội địa.

6. *Các kích thước cơ bản* bao gồm: chiều dài lớn nhất, chiều rộng lớn nhất, chiều cao mạn và chiều chìm của phương tiện.

7. *Mạn khô* là chiều cao của phần thân phương tiện từ mép trên vạch dấu môn nước an toàn đến mép boong.

8. *Dụng cụ cứu sinh* là các vật dụng nổi dùng làm phao cứu người.

9. *Bè* là loại phương tiện dùng gỗ, tre, nứa và các loại vật liệu nổi khác ghép lại với nhau.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN PHƯƠNG TIỆN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Điều kiện an toàn của phương tiện

1. Thân phương tiện phải chắc chắn, không bị thủng, không bị rò nước vào bên trong; có một đèn màu trắng nếu phương tiện hoạt động vào ban đêm.

2. Khi chở người phải có đủ chỗ cho người ngồi cân bằng trên phương tiện, ổn định, an toàn và đủ dụng cụ cứu sinh cho số người được phép chở trên phương tiện.

3. *Mạn khô* của phương tiện chở hàng phải đảm bảo tối thiểu bằng 150mm; *mạn khô* của phương tiện chở người phải đảm bảo tối thiểu bằng 200mm.

4. Phương tiện phải được đo đạc xác định kích thước, sức chở và được sơn vạch môn nước an toàn.

Điều 4. Xác định các kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu môn nước an toàn của phương tiện

1. Xác định kích thước cơ bản của phương tiện

a) Chiều dài lớn nhất (ký hiệu L_{max}) tính bằng mét, đo theo chiều dọc trên boong ở mặt phẳng dọc tâm từ mút lái đến mút mũi phương tiện;

b) Chiều rộng lớn nhất (ký hiệu B_{max}) tính bằng mét, đo theo chiều ngang trên boong ở vị trí mặt cắt rộng nhất của phương tiện (chiều rộng B_{max} tối thiểu bằng 0,6m);

c) Chiều cao mạn (ký hiệu D) tính bằng mét, đo từ đáy phương tiện đến mép boong ở vị trí giữa chiều dài L_{max} ;

d) Chiều chìm (ký hiệu d) tính bằng mét, đo từ đáy phương tiện đến mép trên của vạch môn nước an toàn ở vị trí giữa chiều dài L_{max} .

2. Xác định sức chở của phương tiện

a) Đối với phương tiện chở hàng: sức chở là trọng tải toàn phần (dưới 01 tấn) khi hàng hóa được xếp trực tiếp và cân bằng trên phương tiện tương ứng với mạn khô của phương tiện bằng 150mm;

b) Đối với phương tiện chở người: sức chở là số người (dưới 05 người) được xếp đủ chỗ ngồi và cân bằng trên phương tiện tương ứng với mạn khô của phương tiện bằng 200mm;

3. Sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện

Dấu mớn nước an toàn của phương tiện được sơn bằng một vạch sơn có màu khác với màu sơn mạn phương tiện, vạch sơn có chiều rộng 25mm, chiều dài 250mm nằm ngang trên hai bên mạn tại vị trí giữa của chiều dài L_{max} ; cách mép boong 150mm đối với phương tiện chở hàng; cách mép boong 200mm đối với phương tiện chở người.

Điều 5. Điều kiện người lái phương tiện

Người lái phương tiện phải đủ 15 tuổi trở lên, đủ sức khỏe, biết bơi, phải học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa. Trường hợp sử dụng phương tiện vào mục đích kinh doanh thì độ tuổi của người lái phương tiện phải đủ 18 tuổi trở lên và không quá 55 tuổi đối với nữ, 60 tuổi đối với nam.

Điều 6. Phạm vi hoạt động

Phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc bè chỉ được phép hoạt động trên các sông, hồ có mật độ giao thông thấp, lưu lượng dòng chảy nhỏ.

Điều 7: Trình tự cấp giấy chứng nhận phương tiện đủ điều kiện an toàn.

1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa” của Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện. Thành phần hồ sơ gồm:

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa có xác nhận của UBND xã, phường (theo mẫu phụ lục 01);

- 02 ảnh màu khổ 10x15cm chụp toàn bộ phía mạn phải của phương tiện;

2. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định UBND huyện, thành phố cấp giấy chứng nhận phương tiện đủ điều kiện (theo mẫu kèm theo - Phụ lục 2) cho chủ sở hữu. Thời hạn Giấy chứng nhận phương tiện đủ điều kiện là 12 tháng. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 15 ngày trước khi Giấy chứng nhận phương tiện đủ điều kiện an toàn hết hiệu lực, chủ phương tiện phải thực hiện cấp lại giấy chứng nhận.

Trình tự, thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận phương tiện đủ điều kiện an toàn thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 8. Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì tổ chức triển khai, đôn đốc việc thực hiện quy định này; phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức điều tra số lượng phương tiện, người điều khiển phương tiện thủy nội địa trên địa bàn tỉnh. Tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác đào tạo, cấp chứng chỉ chuyên môn người điều khiển phương tiện thủy nội địa.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm về giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

3. Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông phối hợp với các lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý phương tiện, chủ phương tiện vi phạm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa; thực hiện trái quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện và kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

Điều 9. Công an tỉnh

1. Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy kết hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường tuần tra, kiểm soát trên các tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh. Xử lý nghiêm đối với hành vi vi phạm, đặc biệt là các phương tiện không đảm bảo điều kiện an toàn, phương tiện chở quá tải trọng cho phép.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

Điều 10. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn; Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tình hình trật tự an toàn giao thông trên địa bàn quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan về công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy; tổ chức cứu hộ, cứu nạn, giải quyết hậu quả các vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa đối với các loại phương tiện thủy nội địa thô sơ trên phạm vi địa giới hành chính được quản lý.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tăng cường công tác quản lý điều hành hoạt động các phương tiện chở khách; kiên quyết đình chỉ hoạt động các phương tiện, bến khách ngang sông vi phạm nghiêm trọng về trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa tại địa bàn quản lý.

4. Hướng dẫn chủ phương tiện xác định các kích thước cơ bản, xác định sức chở và sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện theo yêu cầu của chủ phương tiện để lập bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

5. Cấp Giấy chứng nhận phương tiện đủ điều kiện (*theo mẫu kèm theo - Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này*) thuộc phạm vi quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn của phương tiện.

6. Lập sổ, lưu trữ và quản lý hồ sơ xin xác nhận phương tiện thô sơ đủ điều kiện.

7. Theo dõi, tổng hợp tình hình xác nhận phương tiện thô sơ đủ điều kiện hoạt động thuộc thẩm quyền, thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ của Sở Giao thông Vận tải.

8. Tổng hợp, báo cáo gửi Sở Giao thông vận tải về tình hình quản lý phương tiện thủy nội địa thô sơ trên địa bàn phụ trách.

Điều 11. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn.

2. Quản lý phương tiện thủy nội địa thô sơ trên địa bàn và báo cáo tình hình thực hiện; các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; báo cáo định kỳ (quý, năm) về Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố.

3. Xác nhận việc kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý hành chính cấp xã, phường, thị trấn.

Điều 12. Chủ phương tiện

1. Đo kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện theo quy định tại Điều 4 của Quy định này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đo và việc sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện.

2. Kê khai điều kiện an toàn của phương tiện (theo mẫu kèm theo - Phụ lục 1).

3. Duy trì và đảm bảo các điều kiện an toàn của phương tiện theo quy định tại Điều 3 của Quy định này khi phương tiện hoạt động.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này tại địa phương; đồng thời, thường xuyên tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện về UBND tỉnh thông qua Sở Giao thông vận tải.

3. Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Chử

Phụ lục 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN
THỦY NỘI ĐỊA THUỘC DIỆN KHÔNG PHẢI ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KIỂM
(Dùng cho loại phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần
dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc bè)

Tên chủ phương tiện:

Địa chỉ chủ phương tiện:

Loại phương tiện:

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện ($L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$) = (.....x.....x.....x.....) m

Khả năng khai thác: a/- Trọng tải toàn phần:.....tấn

b/- Sức chở người:.....người

Tình trạng thân vỏ:

Vạch dấu mức nước an toàn đã được sơn (kẽ) trên hai mạn và mạn khô
còn:.....mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.....(chiếc); Loại

Đèn tín hiệu:

Phạm vi hoạt động:

Tôi xin cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự
thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

.....ngày.....tháng.....năm....

Xác nhận của UBND xã, phường, thị
trấn
(ký tên đóng dấu)

Chủ phương tiện
(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2

Mặt trước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN (THỊ XÃ).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN-UBND

**GIẤY CHỨNG NHẬN
PHƯƠNG TIỆN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

Chủ phương tiện:

Địa chỉ chủ phương tiện:

Phương tiện có đặc điểm sau:

Chiều dài lớn nhất (L_{max}):m

Chiều rộng lớn nhất (B_{max}):m

Chiều cao mạn (D):.....m, Chiều chìm (d):.....m

Mạn khô:m, Vật liệu vỏ:.....

Trọng tải toàn phần, số lượng người được phép chở:.....

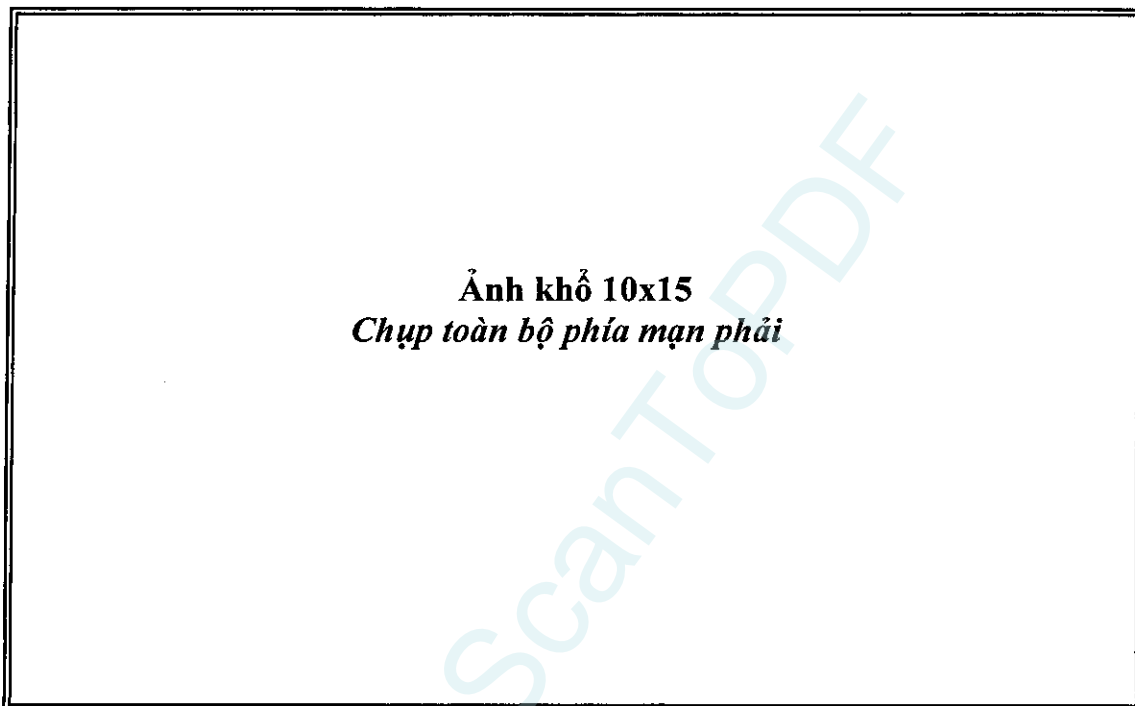
Phạm vi hoạt động:.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ

Có giá trị đến ngày.... tháng....năm...

Mặt sau



Produced with ScanTOPDF